TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOẰNG HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:56 /2024/DS - ST
Ngày: 16/8/2024
V/v: "Tranh chấp HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Duy Chuyên
Bà Trịnh Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân h. Hoằng Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Hà - KSV

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2024/TLST- DS, ngày 18 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST- DS, ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Sỹ T, sinh năm 1968. Có mặt
Địa chỉ: Thôn B, xã Hoằng S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Công ty TNHH D
Trụ sở tại: Thôn Y, xã Hoằng Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.
Người đại diện theo pháp luật:
Bà Trương Thị T - Chức vụ: Giám đốc công ty. Vắng mặt;.
Địa chỉ: Thôn Y, xã Hoằng Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
- Anh Lê Bá Tiến Dng, sinh năm 1994. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Y, xã Hoằng Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa
- Anh Lê Ngọc V, sinh năm 1975. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Y, xã Hoằng Ng , huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2023, bản tự khai ngày 25/01/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Sỹ T trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên năm 2016 ông T có chở vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH D để làm các công trình, tổng số vật liệu xây dựng, ông T chở cho Công ty TNHH D năm 2016 để san lấp mặt bằng cụ thể là: Số tiền chở vật liệu để san lấp mặt bằng làm đường Hoằng Qùy + Hoằng Long + Hoằng Ngọc, số tiền cộng lại là: 183.390.000đồng.

Số tiền chở vật liệu làm nhà thờ ở xã Hoằng Yến là 98.100.000đồng. riêng đối với khoản tiền chở vật liệu làm nhà thờ ở xã Hoằng Yến thì ông T đã ứng 70.000.000đồng. Số tiền còn lại là 28.100.000đồng.

Tổng số tiền ông T chở vật liệu cho Công ty TNHH D còn nợ lại là: 211.490.000đồng.

Ngoài ra Công ty TNHH D có vay của ông Lê Sỹ T số tiền là 350.000.000đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 8/01/2017.

Tổng hai khoản Công ty TNHH D còn nợ ông T là: 561.490.000đồng. Ông T đã nhiều lần hỏi nợ nhưng bà T cứ khất lần này đến lần khác. Nay ông Th(chồng) bà T đã chết ông T yêu cầu bà T là người đại diện theo pháp luật của Công Ty TNHH D có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông.

Ngày 01/7/2024 ông Lê Sỹ T có đơn yêu cầu đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chở vật liệu cho Công ty TNHH D là: 211.490.000đồng.

Tại phiên tòa ông T giữ nguyên quan điểm yêu cầu Công ty TNHH D có trách nhiệm trả cho ông số tiền 350.000.000đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 8/01/2017. Về lãi suất: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai ngày 10/4/2024 bà Trương Thị T thể hiện: Ngày 08/01/2017 chồng tôi là Lê Bá Th lúc đó là giám đốc Công ty TNHH D có ký hợp đồng vay tiền cho Công ty, vay của ông Lê Sỹ T số tiền là 350.000.000 đồng. Tôi là vợ có ký người làm chứng vào hợp đồng vay tiền cho Công ty vay của ông Lê Sỹ T. Khi đó anh Th vay tiền để đầu tư xây dựng các công trình còn ông T chuyên chở vật liệu xây dựng các công trình cho công ty của anh Th. Còn việc anh Th đã trả cho ông T hay chưa thì tôi không được biết. Ngày 26/6/2017 anh Th chết, trước khi chết anh Th không bàn giao gì số nợ này cho tôi, mặc dù anh Th ốm một thời gian dài mới chết. Nay ông T khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền nợ trên, tôi không đồng ý vì tôi không phải là người vay và việc vay nợ hai bên làm ăn như thế nào với nhau, trả hay chưa trả tôi cũng không biết. Do đó, tôi không có trách nhiệm với khoản vay nợ anh Th vay nợ đầu tư vào Công ty.

Đối với số tiền anh T chở vật liệu xây dựng để làm đường theo đơn khởi kiện của ông T là có chở vật liệu cho Công ty TNHH Dn trong thời gian anh Th làm giám đốc Công ty, số tiền vật liệu ông T khởi kiện còn nợ là 211.490.000đồng, số tiền này tôi

không biết nên không có trách nhiệm trả cho anh T vì theo anh T là chở vật liệu xây dựng năm 2016, 2017 khi anh Th ốm một thời gian rất dài anh T biết nhưng lại không đến để chốt nợ, số tiền chở vật liệu hai bên không có hợp đồng mua bán và anh Th cũng không xác nhận số nợ trên. Theo tôi được biết, hàng năm Công ty và khách hàng đều thống nhất chốt nợ với nhau theo từng quý và phải xuất hóa đơn đầu vào cho Công ty lấy cơ sở thanh toán. Sau khi anh Th chết, tôi là người đứng ra quản lý gánh vác công ty, Công ty vẫn hoạt động bình thường cho đến nay. Ông T không hề đến chốt nợ với Công ty, nhưng có một vài lần ông có đến Công ty để đòi nợ, nhưng do tôi cũng không biết công nợ đó như thế nào. Hiện giấy phép kinh doanh của công ty đăng ký lần 2 vào tháng 7/2017 thì các thành viên đã thay đổi. Hiện nay giấy phép kinh doanh của Công ty TNHH D do tôi làm giám đốc.

Tại bản khai ngày 01/8/2024 của anh Lê Bá Tiến D trình bày:

Năm 2009 bố tôi là ông Lê Bá th thành lập Công ty TNHH D với các thành viên là: Lê Bá Th, Lê Ngọc V, Trương Thị T. Ngày 03/6/2017 bố tôi chết. Đến ngày, 04/7/2017 Công ty TNHH D đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai có các thành viên góp vốn gồm: Trương Thị T, Lê Bá Tiến D. Trước đây, trong quá trình hoạt động của Công ty TNHH D khi tôi chưa phải là thành viên góp vốn thì việc vay nợ và tài sản công nợ của Công ty như thế nào tôi không được biết. Về hợp đồng vay tiền ngày 8/01/2017 của Công ty TNHH D với ông Lê Sỹ T. Do được ký kết trước khi tôi là thành viên của Công ty, thì thời điểm đó mẹ tôi là bà T có nhận bàn giao về các khoản nợ Ngân hàng. Kể từ khi tôi là thành viên Công ty TNHH D từ ngày 04/7/20179(BL- 38) thì giữa Công ty và ông Lê Sỹ T cũng không có chốt công nợ.

Về các giấy khất nợ mà bà Trình viết đối với ông T thì đó là quan hệ vay nợ giữa cá nhân bà T với ông T không liên quan gì với Công ty TNHH D.

Nay ông T khởi kiện đòi nợ Công ty TNHH D thì quan điểm của tôi xác định. Khi tôi là thành viên góp vốn của Công ty không có sự bàn giao về khoản nợ này. Nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và tôi xin được vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án chỉ làm việc với người đại diện Công ty TNHH D.

Tại bản khai ngày 01/8/2024 của anh Lê Ngọc V trình bày:

Tôi và ông Lê Bá Th và bà Trương Thị T có mối quan hệ cậu mợ. Năm 2009 cậu Th mợ T có thành lập Công ty TNHH D, tôi là lái xe ben cho Công ty. Thực tế, tôi không có vốn góp cho Công ty, việc tôi có tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 08/04/2009 thì tôi không biết, chỉ biết thời điểm đó bà T có yêu cầu tôi đưa chứng minh nhân dân của tôi cho bà T để làm Hợp đồng lao động, còn việc làm thêm thủ tục gì thì tôi không được biết. Thời điểm 2009 tôi có biết anh Lê

Sỹ T nhưng việc vay nợ giữa anh T với Công ty D hay với cá nhân ông Th bà T thì tôi không biết gì.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ 350.000.000đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 8/01/2017.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ T là tự nguyện nên đề nghị HĐXX chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với Công ty TNHH D về số tiền 211.490.000đ.

+ Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *[1.1] Về thủ tục tố tụng:* Ông Lê Sỹ T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH D phải trả nợ. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định ông Lê Sỹ T là nguyên đơn, Công ty TNHH D là bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH D có địa chỉ tại xã Hoằng N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Các bên ký kết hợp đồng vay trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dụng phù hợp với quy định tại các Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự 2015 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia. Nguyên đơn là ông Lê Sỹ T, bị đơn là Công ty TNHH D nên xác định đây là Hợp đồng vay tài sản đã được hai bên ký kết.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa ngày 18/7/2024 Tòa án đã triệu tập hợp lệ Công ty TNHH D – người đại diện theo pháp luật bà Trương Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 227; Điều 233;

Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự nên đã hoãn phiên tòa. Tại phiên hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Trương Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Các bên thực hiện Hợp đồng giữa Công ty TNHH D và ông Lê Sỹ T đã thực hiện giao kết hợp đồng ngày 08/01/2017 trên cơ sở tự nguyện cụ thể số tiền vay là 350.000.000đ; lãi suất không thể hiện trong hợp đồng; thời hạn vay 15 ngày kể từ ngày 8/01/2017 đến ngày 23/01/2017; mục đích vay để duy trì phát triển sản xuất, đầu tư mua tài sản.

Qúa tình thực hiện hợp đồng ngày 08/01/20217 khi đó ông Lê Bá Th và bà Trương Thị Tr là người ký vào hợp đồng vay tiền. Nhưng đến ngày 03/7/2017 ông Th mất. Bà Tr là người dại diện hợp pháp theo pháp luật của Công Ty TNHH D(theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 04/7/2017), đã nhiều lần ông T yêu cầu Công ty TNHH D trả nợ nhưng đến nay chưa trả. Cụ thể: Giấy khất nợ 06/5/2017; 03/8/2017; giấy khất nợ ngày 04/01/2018; 15/4/2018 của bà Trương Thị Tr và nhiều lần khác ông Tùng đòi nợ bà Tr nhưng bà cố tình tránh mặt.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Lê Sỹ T với Công ty TNHH D, ngày 08/01/2017 thực hiện 01 hợp đồng vay tiền cụ thể số tiền là 350.000.000đ. Tại mục ‘’người vay’’ do ông Lê Bá Th và bà Trương Thị Tr ký nhận, ông Lê Bá Th ký có đóng dấu của Công ty và chức vụ giám đốc. Theo giấy đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 08/04/2009(LB-04) ông Lê Bá Th là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH D. Theo đó, ông Th được đại diện Công ty ký kết hợp đồng nhân danh Công ty. Nội dung trong Hợp đồng vay tiền ngày 08/01/2017 không thuộc trường hợp phải thông qua Hội đồng thành viên chấp thuận. Như vậy, đánh giá về nội dung, hình thức của HĐ vay tiền ngày 08/01/2017 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.2]. Quan điểm của người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH D thừa nhận mục ‘’người vay’’trong giấy vay tiền có chữ ký đúng là chữ ký của ông Lê Bá Th và Trương Thị Tr, đóng dấu của Công ty TNHH D, đồng thời xác định đây là khoản nợ cá nhân ông Lê Bá Th, không phải khoản nợ của Công ty, số tiền 350.000.000đồng không thể hiện trên giấy tờ của Công ty, không có trong hệ thống sổ sách bàn giao của Công ty khi ông Th mất. Tuy nhiên, HĐXX thấy rằng, đó không phải là cơ sở để đánh giá đây là trách nhiệm của cá nhân ông Lê Bá Th. Theo quy định của Bộ luật dân sự, người cho vay không có nghĩa vụ phải biết người đi vay sử dụng số tiền đó có đúng như mục đích khi vay tiền hay không hoặc số tiền cho vay được sử dụng như thế nào. Ông Lê Sỹ T chỉ biết cho Công ty TNHH D vay tiền, ông Thoa là người đại diện theo pháp

luật của Công ty ký giấy vay có cả bà Tr ký, đóng dấu Công ty. Ông T không có nghĩa vụ phải biết số tiền cho vay được sử dụng vào Công ty hay mục đích cá nhân ông Thoa.

[4.3] Từ những nhận định trên có đủ cơ sở để xác định khi thực hiện vay số tiền 350.000.000đồng của ông Lê Sỹ T. Ông Th đã nhân danh Công ty TNHH D, không phải thực hiện việc vay nợ với tư cách cá nhân. Như vậy, xác định Công ty TNHH D vay ông Lê Sỹ T số tiền 350.000.000đồng là đúng. Công ty TNHH D, phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập thực hiện nhân danh pháp nhân theo quy định tại Điều 90 Bộ luật dân sự 2005(Điều 87 Bộ luật dân sự 2015). Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Sỹ T. Buộc Công ty TNHH D phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Sỹ T số tiền 350.000.000đồng theo quy định tại Điều 87; Điều 463; Điều 464,Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Về tiền lãi : Ông Lê Sỹ T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Việc rút yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ T là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với Công ty TNHH D về số tiền 211.490.000.000đ chở vật liệu xây dựng.

[5].Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244; khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 266; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 74, 77, 81,82.86,87,116,117,166, 463,464,465,466,688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 50; Điều 63 Luật doanh nghiệp 2020;

Căn cứ khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ,quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Xử:

1.Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ T đối với việc yêu cầu Công ty TNHH D trả số tiền 211.490.000đồng chở vật liệu xây dựng.

2.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ T.

Buộc Công ty TNHH D phải trả cho ông Lê Sỹ T số tiền là: 350.000.000đ(*ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ

thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thánh toán.

3. Về án phí: Công ty TNHH D phải chịu 350.000.000đồng x 5% = 17.500.000đ(*mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại cho ông Lê Sỹ T số tiền tạm ứng án phí là 13.230.000 đồng(*mười ba triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng)*, theo biên lai thu số 0003702 ngày 17/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND h Hoằng Hóa;*
- *Chi cục THADS h. Hoằng Hóa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Phương